

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 21-10-2019

V/v tranh chấp ly hôn giữa chị

M và anh M

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Văn Thạm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Duy Khương.

2. Ông Nguyễn Văn Kiệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 21 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 319/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2019/QĐXX-ST ngày 02 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Thị M**, sinh năm 1980. Địa chỉ: ấp S, xã V, huyện C, tỉnh Kiên Giang. (vắng mặt và có đơn xin vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Anh **Danh Sốc M**, sinh năm 1979. Địa chỉ: ấp S, xã V, huyện C, tỉnh Kiên Giang. (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 8 năm 2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Thị M trình bày:

Vào năm 2002 chị và anh Danh Sốc M tự nguyện quen biết yêu thương nhau và có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện C, Kiên Giang vào ngày 24/10/2002. Trong quá trình chung sống chị và anh Danh Sốc M

có ba người con chung tên Danh Thị Ngọc L, sinh ngày 02/6/2004; Danh Thanh B, sinh ngày 12/5/2006 và Danh Thị Trúc L, sinh ngày 15/9/2012. Về tài sản chung và nợ chung chị M xác nhận không có

Chị M xác nhận thời gian đầu vợ chồng chị và anh M chung sống rất hạnh phúc nhưng đến khoảng năm 2016 thì vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn với nhau, lý do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, tính tình không hợp nhau, anh M thường xuyên mắng chửi chị nên tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, anh M không lo làm ăn để cùng chị chăm lo cho các con nên chị và anh M đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay.

Tại phiên Tòa hôm nay chị M vắng mặt nhưng theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án chị M có ý kiến như sau:

Về hôn nhân: Xin được ly hôn cùng anh Danh Sóc M

Về con chung: Chị M và anh M có ba người con chung tên Danh Thị Ngọc L, sinh ngày 02/6/2004; Danh Thanh B, sinh ngày 12/5/2006 và Danh Thị Trúc L, sinh ngày 15/9/2012. Chị M yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 03 con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi ba con chung mỗi tháng là 4.500.000/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai đề ngày 06 tháng 9 năm 2019 và trong quá trình xét xử cũng như tại phiên tòa bị đơn Danh Sóc M trình bày:

Vào năm 2002 anh và chị Thị M tự nguyện quen biết yêu thương nhau và có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện C, Kiên Giang vào ngày 24/10/2002. Trong quá trình chung sống anh và chị M có ba người con chung tên Danh Thị Ngọc L, sinh ngày 02/6/2004; Danh Thanh B, sinh ngày 12/5/2006 và Danh Thị Trúc L, sinh ngày 15/9/2012. Về tài sản chung và nợ chung anh M xác nhận không có.

Anh M xác nhận thời gian đầu vợ chồng anh và chị M chung sống rất hạnh phúc nhưng đến khoảng năm 2016 thì vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn với nhau, anh và chị M đã sống ly thân với nhau được hơn 01 năm nay. Mặc dù sống ly thân nhưng anh M vẫn sống chung nhà với chị M, anh vẫn đi làm lo cho vợ con, anh thường xuyên đi làm sáng đi tối về nhưng chị M không có vào nhà ngủ, anh xác nhận do chị M không cho anh sống chung nên tinh thần anh bị ức chế và thường xuyên mắng chửi chị M.

Tại phiên tòa anh M có ý kiến như sau :

Về hôn nhân: Anh không đồng ly hôn với chị Thị M vì anh còn thương vợ con.

Về con chung: Anh và chị M có ba người con chung tên Danh Thị Ngọc L , sinh ngày 02/6/2004; Danh Thanh B , sinh ngày 12/5/2006 và Danh Thị Trúc L , sinh ngày 15/9/2012. Nếu chị M cương quyết ly hôn thì anh đồng ý giao các con cho vợ tôi nuôi dưỡng, anh đồng ý cấp dưỡng mỗi cháu 1.500.000 đồng/ tháng .

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Thị M có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C , tỉnh Kiên Giang giải quyết việc hôn nhân của anh chị. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm 4 khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện. Chị Thị M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất và chị M có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử (HĐXX) thống nhất xét xử vụ án vắng mặt chị M .

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh M đều xác nhận anh chị chung sống với nhau từ năm 2002 và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Anh chị đã tuân thủ theo đúng quy định của Luật hôn nhân gia đình. Về nguyên nhân mâu thuẫn chị M và anh M đều thống nhất vào năm 2016 anh chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi với nhau, anh M cũng thừa nhận do chị M không cho anh sống chung nên anh có bị ức chế và thường mắng chửi chị M , hơn nữa chị M và anh M cũng xác nhận anh chị đã ly thân hơn một năm nay, anh M cũng xác nhận anh không có nghề nghiệp ổn định và anh có đi làm nhưng thu nhập không cao nên không có tiền thường xuyên để phụ chị M trong việc sinh hoạt gia đình và lo cho con cái ăn học, do đó Hội đồng nhận định anh M đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hơn nữa theo quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định như sau:

1. Vợ chồng có nghĩa vụ, thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.

Từ nhận định trên HĐXX xét thấy căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình thì yêu cầu ly hôn của chị M là hoàn toàn có căn cứ phù hợp HĐXX cần nên chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung: Chị M và anh M xác nhận trong thời gian chung sống giữa anh chị ba người con chung tên Danh Thị Ngọc L , sinh ngày 02/6/2004; Danh Thanh B , sinh ngày 12/5/2006 và Danh Thị Trúc L , sinh ngày 15/9/2012 từ khi anh chị xảy ra mâu thuẫn với nhau cho đến nay con do chị M chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị M và anh M cùng thống nhất giao ba người con chung tên Danh Thị Ngọc L , sinh ngày 02/6/2004; Danh Thanh B , sinh ngày 12/5/2006 và Danh Thị Trúc L , sinh ngày 15/9/2012 cho chị Thị M tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng (phù hợp với nguyện vọng của cháu Ngọc L , Trúc L và cháu B), nên HĐXX ghi nhận.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như quá trình xét xử, anh M đồng ý cấp dưỡng mỗi cháu 1.500.000 đồng/ tháng/cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi , yêu cầu trên của anh M là phù hợp với yêu cầu của chị Minh nên HĐXX ghi nhận.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án và trong quá trình xét xử chị M và anh M xác nhận không có tài sản chung và nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Minh là nguyên đơn nên chị phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật, anh Danh Sốc Mười phải nộp tiền án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Thị M và anh Danh Sốc M .

2. Về nuôi con chung:

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Thị M và anh Danh Sốc M thống nhất giao các con chung tên Danh Thị Ngọc L , sinh ngày 02/6/2004; Danh Thanh B , sinh ngày 12/5/2006 và Danh Thị Trúc L , sinh ngày 15/9/2012 cho chị Thị M trực tiếp nuôi dưỡng (phù hợp với nguyện vọng của cháu L , cháu B và cháu Trúc L). Anh Danh Sốc M có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở..

3. Về cấp dưỡng nuôi con:

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Danh Sốc M về việc cấp dưỡng cho các con chung tên Danh Thị Ngọc L, sinh ngày 02/6/2004; Danh Thanh B, sinh ngày 12/5/2006 và Danh Thị Trúc L, sinh ngày 15/9/2012 mỗi tháng là 1.500.000 đồng/cháu cho đến khi cháu L, cháu B, cháu Trúc L đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 21/10/2019

Các bên tiến hành giao nhận tiền tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, Kiên Giang.

Kể từ ngày chị Thị M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Danh Đ không giao tiền cấp dưỡng cho chị M thì hàng tháng anh Đ còn phải trả chị M thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 02 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Về tài sản chung và nợ chung: chị Thị M và anh Danh Sốc M xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Thị M phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai số 00051219 ngày 14 tháng 8 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, như vậy chị Thị M không phải nộp thêm.

Anh Danh Sốc M phải nộp 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã V.
- Lưu: hồ sơ, V.P.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Văn Thập

